QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500, KHU DÂN CƯ MỚI (KHU 1), ĐẦN CHÀNG 2, THỊ TRẤN HƯNG HÀ,HUYỆN HƯNG HÀ.

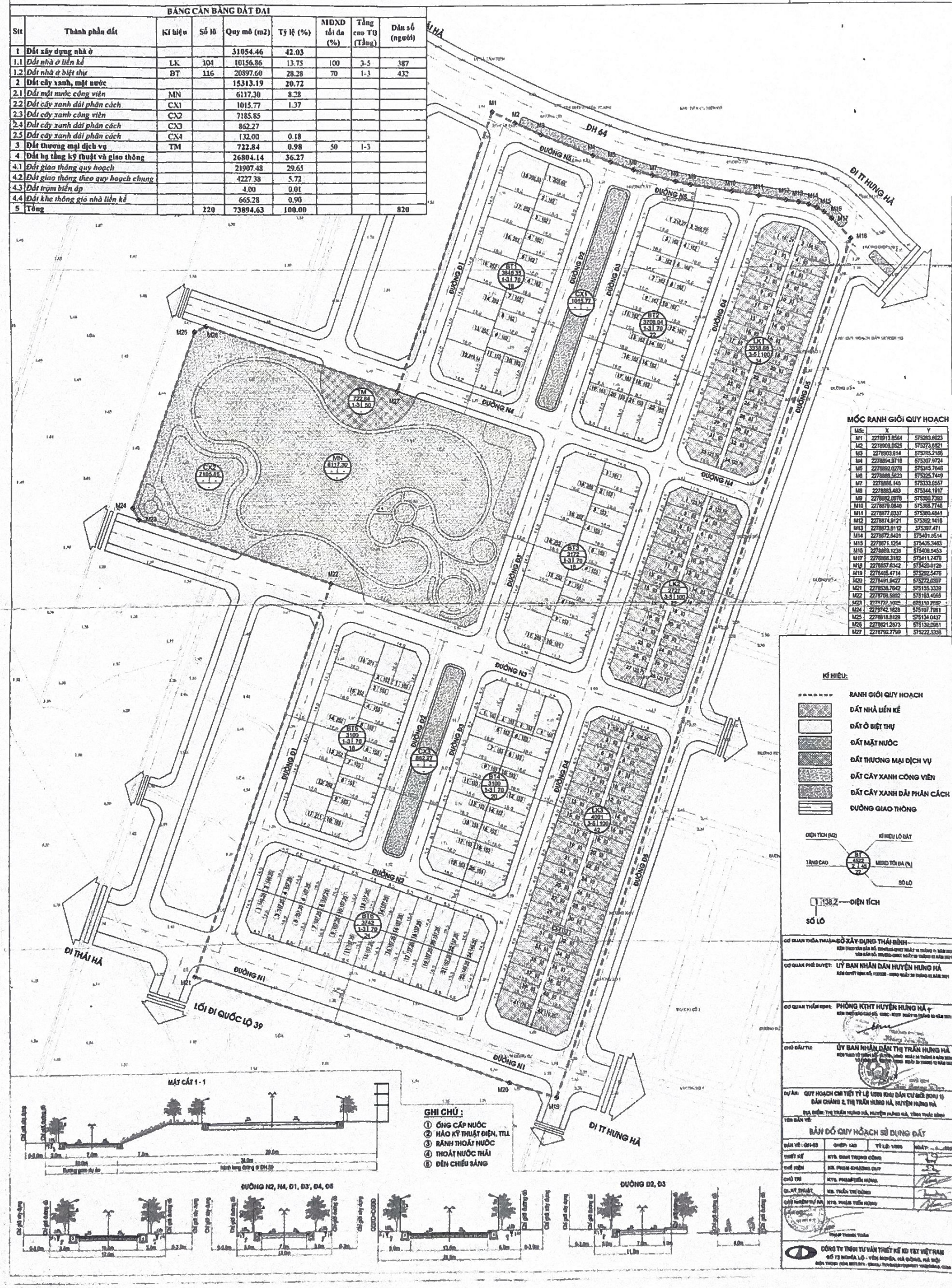
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

0M 100 200 500M

Tỷ lệ

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

Stt	Thành phần đất	Kí hiệu	Số lô	Quy mô (m2)	Tỷ lệ (%)	MĐXD tối đa (%)	Tầng cao TB (Tầng)	Dân số (người)
1	**Đất xây dựng nhà ở**			31054.46	42.03			
1.1	*Đất nhà ở liền kề*	LK	104	10156.86	13.75	100	3-5	387
1.2	*Đất nhà ở biệt thự*	BT	116	20897.60	28.28	70	1-3	432
2	**Đất cây xanh, mặt nước**			15313.19	20.72			
2.1	*Đất mặt nước công viên*	MN		6117.30	8.28			
2.2	*Đất cây xanh dải phân cách*	CX1		1015.77	1.37			
2.3	*Đất cây xanh công viên*	CX2		7185.85				
2.4	*Đất cây xanh dải phân cách*	CX3		862.27				
2.5	*Đất cây xanh dải phân cách*	CX4		132.00	0.18			
3	**Đất thương mại dịch vụ**	TM		722.84	0.98	50	1-3	
4	**Đất hạ tầng kỹ thuật và giao thông**			26804.14	36.27			
4.1	*Đất giao thông quy hoạch*			21907.48	29.65			
4.2	*Đất giao thông theo quy hoạch chung*			4227.38	5.72			
4.3	*Đất trạm biến áp*			4.00	0.01			
4.4	*Đất khe thông gió nhà liền kề*			665.28	0.90			
5	**Tổng**		220	73894.63	100.00			820



MỐC RANH GIỚI QUY HOẠCH

Mốc	X	Y
M1	2278913.8564	575263.6023
M2	2278908.0525	575273.6521
M3	2278903.914	575285.2185
M4	2278894.9718	575307.9724
M5	2278892.0278	575315.7646
M6	2278888.5623	575325.7449
M7	2278886.145	575333.0557
M8	2278883.483	575344.1917
M9	2278882.0978	575350.7383
M10	2278879.0846	575368.7746
M11	2278877.0337	575380.4841
M12	2278874.9121	575392.1416
M13	2278873.8112	575397.471
M14	2278872.6401	575401.8514
M15	2278871.1254	575405.3483
M16	2278869.1238	575408.5453
M17	2278866.3182	575411.7479
M18	2278857.8342	575420.0129
M19	2278405.4714	575292.5476
M20	2278401.9427	575272.0397
M21	2278538.7642	575135.3339
M22	2278708.5802	575193.4955
M23	2278737.1025	575110.2592
M24	2278742.1628	575107.7981
M25	2278818.8129	575134.0437
M26	2278821.2873	575139.0961
M27	2278792.7769	575222.5338

KÍ HIỆU:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- ĐẤT NHÀ LIÊN KẾ
- ĐẤT Ở BIỆT THỰ
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- ĐẤT CÂY XANH CÔNG VIÊN
- ĐẤT CÂY XANH DẢI PHÂN CÁCH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG

DIỆN TÍCH (M2) — KÍ HIỆU LÔ ĐẤT — TẦNG CAO — MĐXD TỐI ĐA (%) — SỐ LÔ

BT 4522 2 | 45 22

1 138.2 — DIỆN TÍCH

SỐ LÔ

MẶT CẮT 1 - 1

GHI CHÚ :

① ỐNG CẤP NƯỚC
② HÀO KỸ THUẬT ĐIỆN, TTLL
③ RÃNH THOÁT NƯỚC
④ THOÁT NƯỚC THẢI
⑤ ĐÈN CHIẾU SÁNG

ĐƯỜNG N2, N4, D1, D3', D4, D5

ĐƯỜNG D2, D3

CƠ QUAN THỎA THUẬN: SỞ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KTHT HUYỆN HƯNG HÀ

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN HƯNG HÀ

DỰ ÁN: QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ MỚI (KHU 1) ĐẦN CHÀNG 2, THỊ TRẤN HƯNG HÀ, HUYỆN HƯNG HÀ

ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN HƯNG HÀ, HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-03	QHCB: 1/50	TỈ LỆ: 1/500	NGÀY: [illegible]
THIẾT KẾ	KTS. DOÃN THƯƠNG CÔNG		
THẨM ĐỊNH	KS. PHẠM KHƯƠNG DUY		
CHỦ TRÌ	KTS. PHẠM TIẾN HƯNG		
CN. KỸ THUẬT	KS. TRẦN THỊ HỒNG		
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KTS. PHẠM TIẾN HƯNG		

PHẠM THANH TOÀN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KỸ THUẬT VIỆT NAM
SỐ 12 NGÕ 1A - VĂN KHÊ - HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI